TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 709/2025/DS-PT
Ngày: 24 – 11 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Bà Dương Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 474/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Bùi Quốc B, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số A, Ấp D, xã C, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số A, Khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phan Bá T, sinh năm 1975, địa chỉ: Số A, tổ A, Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An).

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 19/8/2025)

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1966.

2. Bà Phạm Thị E, sinh năm 1966.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ cư trú: Số G, ấp Đ, xã C, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số G, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An).

- *Người kháng cáo:* các bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Bùi Quốc B cùng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Bá T trình bày:

Ngày 09/8/2022, ông B có cho ông M vay số tiền 300.000.000 đồng, không có lập giấy vay tiền, không thỏa thuận thời gian vay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mục đích vay là để sử dụng kinh doanh trong gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông M không thanh toán lãi như thỏa thuận ban đầu, ông B nhiều lần liên hệ yêu cầu ông M thanh toán nhưng không có kết quả. Ngày 09/8/2024, ông M viết "Giấy hẹn trả nợ" với nội dung thừa nhận nợ ông B số tiền vốn là 300.000.0000 đồng, hứa thanh toán tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 50.000.000 đồng trong thời gian 06 tháng tính từ ngày 30/8/2024 nhưng sau đó vẫn không thực hiện đúng thỏa thuận nên ông B khởi kiện yêu cầu ông M cùng vợ là bà Phạm Thị E liên đới thanh toán cho ông B số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, số tiền lãi theo quyết định của Hội đồng xét xử.

Bị đơn ông Trần Văn M dù đã được Tòa án tống đạt các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa.

Trong biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh, bị đơn bà Phạm Thị E trình bày:

Bà và ông M là vợ chồng hợp pháp, hôn nhân vẫn đang tồn tại. Việc ông M vay tiền của ông ông B bà không biết và không có sử dụng tiền vay nên bà không đồng ý liên đới cùng ông M trả tiền cho ông B.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 10/7/2025 và Quyết định số 02/2025/QĐ-SCBSBA ngày 24/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Bùi Quốc B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E.

Buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Quốc B số tiền vay còn nợ vốn và lãi là 387.583.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm

thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E phải liên đới chịu 19.379.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông Bùi Quốc B 11.187.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0018468 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đước (nay là Phòng thi hành án khu vực 6-Tây Ninh).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/7/2025 bị đơn ông Trần Văn M làm đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền lãi là 87.583.000 đồng.

Ngày 10/7/2025 bị đơn bà Phạm Thị E làm đơn kháng cáo không đồng ý liên đới cùng ông B thanh toán nợ cho ông Bùi Quốc B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, nguyên đơn ông Bùi Quốc B do ông Phan Bá T đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý thanh toán số tiền lãi là 87.583.000đồng, trình bày cho rằng ông M không vay tiền của ông B mà vay số tiền 300.000.000đồng của một người tên S, không biết tên đầy đủ, cũng không biết địa chỉ chính xác, khi vay không lập văn bản ghi nợ, sau đó có trả lãi trong thời hạn 02 năm từ năm 2021-2023 cho ông S, đến năm 2024, ông S thông báo chuyển việc đòi nợ sang cho ông B nên ông M ghi giấy nợ cho ông B, ông M có trả tiền lãi cho ông B 3 tháng tổng cộng là 90.000.000đồng. Tất cả các lần giao dịch đều không lập văn bản thể hiện. Việc ông M vay tiền là để chơi cá độ qua mạng, không cung cấp chứng cứ thể hiện, nên ông M sẽ tự thanh toán số tiền vay.

Bị đơn bà Phạm Thị E không rút đơn kháng cáo, không đồng ý liên đới cùng ông M thanh toán nợ cho ông B, bà E trình bày cho rằng, bà E và ông M sống ly thân từ năm 2021, số tiền ông M vay và chi tiêu không liên quan đến bà E cũng không phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên bà E không đồng ý liên đới thanh toán số tiền cho ông B.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của các bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M không đồng ý thanh toán tiền lãi thấy rằng:

Căn cứ giấy hẹn trả nợ ngày 09/8/2024 có nội dung: *"Tôi sẽ trả thêm 50.000.000 đồng tiền lãi còn thiếu 24 tháng cho anh Bùi Quốc B"*, cho thấy ông M đã vay tiền của ông B trước thời điểm ngày 09/8/2024 là 24 tháng. Khoản vay này có thỏa thuận về lãi, thể hiện qua việc ông M cam kết trả phần lãi còn thiếu 50.000.000 đồng. Tình tiết này phù hợp với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về thời gian vay và loại hợp đồng vay. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng vay giữa ông M và ông B là hợp đồng vay có lãi và không xác định thời hạn.

Ông B cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Tuy nhiên, tại giấy hẹn trả nợ, ông M chỉ cam kết thanh toán số tiền lãi còn thiếu 50.000.000 đồng cho 24 tháng, không thể hiện mức lãi suất 3%/tháng như ông B trình bày. Như vậy, có căn cứ xác định giữa các bên có tranh chấp về lãi suất do đó căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính tiền lãi trong thời gian từ ngày 09/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 87.583.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của ông M là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà E không đồng ý thanh toán tiền cho ông B: Bà E và ông M là vợ chồng hợp pháp. Bà E khai rằng vợ chồng cùng làm nghề sà lan, ông M ở nhà phụ giúp công việc, đến tháng 02/2023 thì ông M bỏ nhà đi. Xét thấy, khoản vay giữa ông M và ông B phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, khi vợ chồng vẫn còn chung sống và kinh tế chưa tách biệt. Khoản vay có giá trị lớn, được sử dụng trong thời gian hôn nhân, do đó bà E có nghĩa vụ liên đới cùng ông M thanh toán toàn bộ khoản nợ vay cho ông B.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của các bị đơn ông Trần Văn M bà Phạm Thị E làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn ông Bùi Quốc B khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E liên đới thanh toán cho ông B số tiền vay là 300.000.000đồng cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E làm đơn kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M không đồng ý thanh toán tiền lãi cho ông Bùi Quốc B thấy rằng:

[3.1] Căn cứ vào giấy hẹn trả nợ ngày 09/8/2024 và sự thừa nhận của các đương sự thì vào năm 2021-2022, ông Bùi Quốc B có cho ông Trần Văn M vay số tiền 300.000.000đồng, các bên đều trình bày là vay có lãi, ông B cho rằng lãi suất vay là 3%, trong khi ông M cho rằng lãi suất thỏa thuận là 10%. Trong giấy cam kết trả nợ, ông M hẹn trả trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 30/8/2024. Tuy nhiên sau đó ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông B khởi kiện yêu cầu ông M trả nợ và Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M trả cho ông B số tiền vốn đã vay 300.000.000đồng là có căn cứ.

[3.2] Về số tiền lãi: các bên đều trình bày việc vay tiền có lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc vay tiền giữa các bên có lãi theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có cơ sở. Ông Trần Văn M trình bày cho rằng ông M trả cho ông B 26 tháng lãi, mỗi tháng là 30.000.000đồng nhưng không cung cấp được bất cứ chứng cứ nào chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông M về số tiền lãi đã trả để điều tiết số tiền vay và tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho ông M trong khi các bên đều thừa nhận là lãi suất thỏa thuận vượt mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm

2015 là 20%/năm. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm thanh toán tiền vốn và tiền lãi của ông M cho ông B.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M trình bày cho rằng, ông M vay số tiền của một người tên là S đã trả lãi 10%/tháng trong 02 năm và trả cho ông B 03 tháng tiền lãi là 90.000.000đồng nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận, ông M không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào chứng minh nên cũng không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông M.

[4] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị E không đồng ý liên đới thanh toán tiền cho ông B thấy rằng:

[4.1] Vào thời điểm vay tiền khoảng năm 2021-2022 thì ông M và bà E là vợ chồng, ông M cho rằng mục đích vay tiền để đá gà qua mạng, đây là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng ông M không cung cấp nhà mạng cũng không cung cấp các chứng cứ có liên quan để Tòa án cung cấp các tài liệu có liên quan cho cơ quan công an có thẩm quyền xem xét về hành vi đá gà ăn thua bằng tiền để xem xét xử lý hành vi vi phạm pháp luật.

[4.2] Bà E cho rằng, bà E không biết và không sử dụng số tiền ông M vay, bà E và ông M ly thân từ năm 2021. Tuy nhiên lời khai của bà E có nhiều mâu thuẫn, tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà E cho rằng đến năm 2023 bà E và ông M mới không còn chung sống, không có bất cứ chứng cứ nào cho thấy bà E và ông M ly thân từ năm 2021. Bà E là vợ ông M phải có trách nhiệm biết và cùng với ông M thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ chung. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà E, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông M và bà E là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí phúc thẩm: ông M bà E kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Trần Văn M, bà Phạm Thị E.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Tây Ninh.

Căn cứ Điều 26; 37, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2025 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 463, 466, 468, 469, 357 Bộ luật Dân sự; Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Bùi Quốc B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E.

Buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Bùi Quốc B số tiền vay còn nợ vốn và lãi là là 387.583.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E phải liên đới chịu 19.379.150 đồng.

Hoàn trả cho ông Bùi Quốc B 11.187.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018468 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đước (nay là Phòng thi hành án khu vực 6-Tây Ninh).

Về án phí phúc thẩm: ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M và bà E đã nộp theo Biên lai số 0001506 ngày 23/7/2025 và Biên lai số 0000403 ngày 10/7/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông M và bà E đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 6, tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga